

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**BỘ KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2006/QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH**Về việc ban hành****"Quy định về việc cấp, sử dụng và quản lý mã số mã vạch"****BỘ TRƯỞNG****BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 54/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ và Nghị định số 28/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2003/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 45/2002/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định nội dung quản lý nhà nước về mã số mã vạch và cơ quan quản lý nhà nước về mã số mã vạch;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định về việc cấp, sử dụng và quản lý mã số mã vạch".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn thực hiện Quy định ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Các ông Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Mạnh Hải

**BỘ KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****QUY ĐỊNH
VỀ VIỆC CẤP, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ MÃ SỐ MÃ VẠCH**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BKHCN
ngày 23 tháng 8 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về việc cấp, sử dụng và quản lý các loại mã số mã vạch (dưới đây viết tắt là MSMV) có mã quốc gia của Việt Nam và việc quản lý sử dụng MSMV của nước ngoài.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam (sau đây gọi chung là tổ chức/doanh nghiệp) có nhu cầu sử dụng MSMV và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cấp MSMV.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Mã số* là một dãy các chữ số dùng để phân định vật phẩm, địa điểm, tổ chức.
2. *Mã vạch* là một dãy các vạch thẳng song song và các khoảng trống xen kẽ để thể hiện mã số sao cho máy quét có thể đọc được.
3. *EAN* là tên của tổ chức MSMV quốc tế trước tháng 02 năm 2005.
4. *GSI* là tên của tổ chức MSMV quốc tế từ tháng 02 năm 2005 đến nay.
5. *Mã số EAN* là mã số tiêu chuẩn do tổ chức MSMV quốc tế quy định để áp dụng chung trên toàn thế giới.

6. *Mã quốc gia* là số đầu gồm ba chữ số do tổ chức GS1 cấp cho các quốc gia thành viên. Mã quốc gia của Việt Nam là 893.

7. *Mã doanh nghiệp* là dãy số gồm mã quốc gia và số phân định tổ chức/doanh nghiệp, gồm từ bốn đến bảy số tiếp theo.

8. *Mã số rút gọn (viết tắt là EAN 8)* là dãy số có tám chữ số quy định cho vật phẩm (sản phẩm) có kích thước nhỏ, gồm mã quốc gia, số phân định vật phẩm và một số kiểm tra.

9. *Mã số địa điểm toàn cầu (Global Location Number, viết tắt là GLN)*, là dãy số có mười ba chữ số quy định cho tổ chức/doanh nghiệp và địa điểm, gồm mã quốc gia, số phân định tổ chức/doanh nghiệp hoặc địa điểm và một số kiểm tra.

10. *Mã số thương phẩm toàn cầu (Global Trade Item Number viết tắt là GTIN)*, là mã số vật phẩm (sản phẩm, hàng hóa), được cấu tạo từ mã doanh nghiệp, bao gồm các loại mã số mười ba chữ số - viết tắt là EAN 13; mã số mười bốn chữ số - EAN 14; mã số rút gọn tám chữ số - EAN 8 và mã số UCC (Uniform Code Council, viết tắt là UCC) của Hội đồng mã thống nhất của Mỹ và Canada.

11. *Ngân hàng mã số quốc gia Việt Nam* là tập hợp các mã số có mã quốc gia là 893.

12. *Mã nước ngoài* là mã quốc gia của nước ngoài, do tổ chức MSMV quốc gia nước ngoài cấp và quản lý.

13. *Mạng GEPIR (Global Electronic Party Information Registry)* là mạng toàn cầu đăng ký điện tử các thông tin về thành viên sử dụng hệ thống MSMV do GS1 thiết lập và quản lý.

Chương II

CẤP VÀ QUẢN LÝ CÁC LOẠI MÃ SỐ MÃ VẠCH

Điều 4. Các loại MSMV được cấp và quản lý

1. Các loại MSMV được cấp và quản lý thống nhất gồm:

- a) Mã doanh nghiệp;
- b) Mã số rút gọn (EAN 8);

c) Mã số địa điểm toàn cầu (GLN).

2. Các loại MSMV do tổ chức/doanh nghiệp tự lập để sử dụng, sau khi được cấp mã số doanh nghiệp, gồm:

a) Mã số thương phẩm toàn cầu (GTIN);

b) Mã số địa điểm toàn cầu (GLN);

c) Các loại mã số cho đơn vị hậu cần, tài sản hoặc đối tượng khác khi có nhu cầu sử dụng.

3. Mỗi tổ chức/doanh nghiệp được đăng ký sử dụng một mã doanh nghiệp. Trong trường hợp đặc biệt, một tổ chức/doanh nghiệp có thể đăng ký sử dụng hơn một mã doanh nghiệp khi chứng minh đã dùng hết quỹ số được cấp. Khi đăng ký sử dụng thêm mã doanh nghiệp, tổ chức/doanh nghiệp phải làm thủ tục như đăng ký cấp mã lần đầu và kèm theo thuyết minh đã sử dụng hết quỹ số được cấp.

Điều 5. Trách nhiệm cấp và quản lý MSMV

1. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (sau đây viết tắt là Tổng cục TCĐLCL) là cơ quan giúp Bộ Khoa học và Công nghệ cấp các loại MSMV quy định tại khoản 1 Điều 4 của quy định này và quản lý các loại MSMV quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 của Quy định này.

2. Sau khi được cấp mã doanh nghiệp, các tổ chức/doanh nghiệp tự lập các loại MSMV quy định tại khoản 2 Điều 4 của Quy định này để sử dụng và định kỳ sáu tháng báo cáo Danh mục các loại mã số sử dụng với Tổng cục TCĐLCL.

Điều 6. Trình tự cấp MSMV

Việc cấp MSMV thực hiện theo trình tự sau đây:

1. Đăng ký sử dụng MSMV;
2. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký sử dụng MSMV;
3. Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng MSMV;
4. Hướng dẫn sử dụng MSMV.

Điều 7. Đăng ký sử dụng MSMV

1. Các tổ chức/doanh nghiệp muốn sử dụng MSMV phải đăng ký sử dụng MSMV tại các cơ quan được Tổng cục TCĐLCL chỉ định tiếp nhận hồ sơ đăng ký sử dụng MSMV (sau đây gọi là Tổ chức tiếp nhận hồ sơ).

2. Hồ sơ đăng ký sử dụng MSMV gồm:

- a) Bản đăng ký sử dụng MSMV theo mẫu quy định tại Phụ lục I của Quy định này;
- b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, thương mại hoặc bản sao Quyết định thành lập đối với các tổ chức khác;
- c) Bảng Đăng ký danh mục sản phẩm sử dụng mã GTIN theo mẫu quy định tại Phụ lục II của Quy định này;
- d) Phiếu đăng ký thông tin cho cơ sở dữ liệu của GS1 Việt Nam (Mạng GEPIR) theo mẫu quy định tại Phụ lục III của Quy định này.

Điều 8. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký sử dụng MSMV

1. Tổ chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn các tổ chức/doanh nghiệp đăng ký lập hồ sơ đăng ký sử dụng MSMV; tiếp nhận và xử lý sơ bộ hồ sơ đăng ký sử dụng MSMV.
2. Trong thời hạn không quá 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, tổ chức tiếp nhận hồ sơ phải chuyển hồ sơ đến Tổng cục TCĐLCL.

Điều 9. Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng MSMV

1. Trong thời hạn không quá 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Tổng cục TCĐLCL tiến hành thẩm định hồ sơ đăng ký sử dụng MSMV:
 - a) Nếu hồ sơ hợp lệ, Tổng cục TCĐLCL cấp mã số; vào sổ đăng ký, lưu vào ngân hàng mã số quốc gia và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng MSMV.
 - b) Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Tổng cục TCĐLCL đề nghị tổ chức/doanh nghiệp hoàn thiện.
2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng MSMV được gửi cho tổ chức/doanh nghiệp sử dụng MSMV thông qua các tổ chức tiếp nhận hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày được Tổng cục TCĐLCL cấp. Mẫu Giấy chứng nhận quyền sử dụng MSMV được quy định tại Phụ lục IV của Quy định này.
3. Khi tổ chức/doanh nghiệp sử dụng MSMV có sự thay đổi về tư cách pháp nhân, về tên gọi hoặc địa chỉ giao dịch hoặc Giấy chứng nhận bị mất hoặc hỏng, tổ chức/doanh nghiệp sử dụng MSMV phải thông báo bằng văn bản cho Tổng cục TCĐLCL để được đổi hoặc cấp lại Giấy chứng nhận mới. Tổ chức/doanh nghiệp

sử dụng MSMV chịu trách nhiệm thanh toán các chi phí đổi và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng MSMV.

Điều 10. Hướng dẫn sử dụng MSMV

Tổ chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn các tổ chức/doanh nghiệp đăng ký sử dụng MSMV tuân thủ các quy định về sử dụng MSMV quy định tại Chương III của Quy định này và các quy định khác có liên quan đến sử dụng MSMV.

Điều 11. Phí cấp MSMV

1. Tổ chức/doanh nghiệp sử dụng MSMV nộp phí cấp MSMV khi đăng ký sử dụng MSMV và phí duy trì sử dụng hằng năm cho tổ chức tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Thông tư số 88/2002/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2002 của Bộ Tài chính “Quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí cấp mã số mã vạch”.

2. Phí duy trì sử dụng MSMV phải nộp trước ngày 30 tháng 6 hằng năm. Nếu quá thời hạn đó mà chưa nộp thì tổ chức tiếp nhận hồ sơ sẽ thông báo cho tổ chức/doanh nghiệp sử dụng MSMV biết để nộp. Nếu sau một năm tổ chức/doanh nghiệp sử dụng MSMV không nộp phí duy trì sử dụng MSMV, Tổng cục TCĐLCL thu hồi mã số đã cấp, thông báo cho tổ chức/doanh nghiệp sử dụng và thông báo rộng rãi cho các cơ quan có liên quan.

Chương III

SỬ DỤNG MÃ SỐ MÃ VẠCH

Điều 12. Sử dụng MSMV được cấp

Sau khi được cấp mã doanh nghiệp, tổ chức/doanh nghiệp sử dụng MSMV tự quy định mã số phân định vật phẩm, số phân định tổ chức/địa điểm và lập các loại MSMV quy định tại khoản 2 Điều 4 cho các vật phẩm, tổ chức/địa điểm của mình. Tổ chức/doanh nghiệp sử dụng MSMV phải gửi danh mục các Mã số thương phẩm toàn cầu GTIN và Mã số địa điểm toàn cầu GLN được sử dụng cho Tổng cục TCĐLCL (thông qua tổ chức tiếp nhận hồ sơ) để quản lý chung, theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy định này. Bảng đăng ký danh mục sản phẩm sử dụng mã GTIN theo mẫu quy định tại Phụ lục II của Quy định này.

Điều 13. Gắn, ghi MSMV

Việc gắn hoặc ghi MSMV trên vật phẩm, nhãn, bao bì, phương tiện vận chuyển và trong các tài liệu liên quan kèm theo phải phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế và các quy định khác liên quan.

Điều 14. Bảo đảm sự đơn nhất của mã số đăng ký sử dụng và chất lượng mã vạch

Tổ chức/doanh nghiệp sử dụng MSMV phải chịu trách nhiệm về sự đơn nhất của mã số đăng ký sử dụng và chất lượng mã vạch, tuân thủ theo các tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế liên quan. Tổ chức/doanh nghiệp sử dụng MSMV có trách nhiệm thông báo các thông tin mô tả đối tượng mang MSMV cho các tổ chức và cá nhân là đối tác và có liên quan.

Điều 15. Quản lý việc sử dụng MSMV nước ngoài

Các tổ chức/doanh nghiệp hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam muốn sử dụng Mã nước ngoài (bao gồm cả mã UCC của Mỹ và Canada) để in trên sản phẩm của mình nhằm phục vụ cho mục đích chỉ để xuất khẩu, phải được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc được tổ chức nước ngoài chủ sở hữu ủy quyền sử dụng mã số nước ngoài thông qua thư ủy quyền, hợp đồng sử dụng hoặc các hình thức ủy quyền khác. Sau khi được cấp hoặc được ủy quyền sử dụng mã số nước ngoài, tổ chức sử dụng phải thông báo việc sử dụng mã số nước ngoài với Tổng cục TCDLCL bằng văn bản, gửi kèm theo bản sao giấy phép sử dụng, thư ủy quyền, hợp đồng sử dụng hoặc bằng chứng ủy quyền khác.

Chương IV

THU HỒI MÃ SỐ MÃ VẠCH ĐÃ CẤP

Điều 16. Tự ngừng sử dụng MSMV

1. Tổ chức/doanh nghiệp sử dụng MSMV không được cho phép tổ chức/doanh nghiệp khác sử dụng MSMV đã được Tổng cục TCDLCL cấp.

2. Khi tổ chức/doanh nghiệp sử dụng MSMV muốn ngừng sử dụng MSMV phải thông báo bằng văn bản và nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng MSMV

cho Tổng cục TCDLCL thông qua các tổ chức tiếp nhận hồ sơ. Tổng cục TCDLCL ra quyết định thu lại mã số đã cấp và Giấy chứng nhận quyền sử dụng MSMV, thông báo cho tổ chức/doanh nghiệp sử dụng MSMV và công bố rộng rãi cho các tổ chức có liên quan biết.

Điều 17. Thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng MSMV

Giấy chứng nhận quyền sử dụng MSMV đã cấp sẽ bị thu hồi khi tổ chức/doanh nghiệp sử dụng MSMV vi phạm các điều, khoản của Quy định này và các nội dung đã cam kết khi đăng ký sử dụng MSMV.

Chương V

QUẢN LÝ NGÂN HÀNG MÃ SỐ QUỐC GIA VÀ LƯU GIỮ HỒ SƠ, DỮ LIỆU VỀ CẤP, SỬ DỤNG MÃ SỐ MÃ VẠCH

Điều 18. Quản lý ngân hàng mã số quốc gia và lưu giữ hồ sơ

Tổng cục TCDLCL có trách nhiệm lập và duy trì Ngân hàng mã số quốc gia Việt Nam với mã quốc gia 893; lưu giữ hồ sơ về cấp và sử dụng MSMV và hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc sử dụng MSMV của nước ngoài.

Điều 19. Lập và công bố danh mục các mã số đã cấp

Hàng năm, Tổng cục TCDLCL có trách nhiệm lập và công bố danh mục các mã số đã cấp của Việt Nam (Niên giám MSMV) và quản lý danh mục các Mã số thương phẩm toàn cầu GTIN và Mã số địa điểm toàn cầu GLN được sử dụng, do các tổ chức/doanh nghiệp sử dụng MSMV đã định kỳ báo cáo.

Điều 20. Quản lý cơ sở dữ liệu

Tổng cục TCDLCL là cơ quan quản lý thống nhất các dữ liệu về tổ chức/doanh nghiệp đã đăng ký sử dụng MSMV ở Việt Nam (mạng GEPIR), về sản phẩm sử dụng MSMV và về việc sử dụng Mã nước ngoài.

Điều 21. Bảo mật các thông tin về tổ chức/doanh nghiệp

Tổng cục TCDLCL và các tổ chức tiếp nhận hồ sơ đăng ký sử dụng MSMV có trách nhiệm bảo mật các thông tin về tổ chức/doanh nghiệp đăng ký sử dụng MSMV.

Chương VI

THANH TRA, GIÁM SÁT, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ VIỆC CẤP VÀ SỬ DỤNG MÃ SỐ MÃ VẠCH

Điều 22. Trách nhiệm thực hiện việc thanh tra

Thanh tra chuyên ngành TCĐLCL thực hiện việc thanh tra về MSMV theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Điều 23. Trách nhiệm thực hiện việc giám sát

1. Tổng cục TCĐLCL (Trung tâm Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam) thực hiện giám sát việc sử dụng MSMV theo quy định tại Chương III của Quy định này và theo các tiêu chuẩn, quy định khác có liên quan.

2. Khi phát hiện việc sử dụng MSMV chưa đúng quy định, cơ quan giám sát có trách nhiệm nhắc nhở và hướng dẫn tổ chức/doanh nghiệp sử dụng MSMV thực hiện đúng các quy định hiện hành.

3. Khi phát hiện có vi phạm trong việc sử dụng MSMV, cơ quan giám sát có trách nhiệm kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lý.

Điều 24. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về MSMV bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 126/2005/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

2. Người đứng đầu tổ chức, cán bộ, công chức lợi dụng chức vụ quyền hạn gây phiền hà cho tổ chức/doanh nghiệp sử dụng MSMV hoặc bao che cho người vi phạm bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Khiếu nại, tố cáo

1. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm các quy định về cấp, sử dụng MSMV theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về cấp, sử dụng MSMV được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương VII**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 26. Báo cáo tình hình cấp và quản lý sử dụng MSMV**

Tổng cục TCĐLCL có trách nhiệm hằng năm tổng hợp, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình cấp, sử dụng và quản lý MSMV; công tác thanh tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo về việc cấp và sử dụng MSMV; các thông tin phản hồi liên quan đến việc thực hiện Quy định này cũng như các kiến nghị sửa đổi, bổ sung nội dung Quy định này khi cần thiết.

Điều 27. Hướng dẫn thực hiện

Tổng cục TCĐLCL có trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn thực hiện Quy định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Mạnh Hải

Phụ lục I

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BKHCN
ngày 23 tháng 8 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

BẢN ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG MÃ SỐ MÃ VẠCH



**BẢN ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG MÃ SỐ MÃ VẠCH
APPLICATION FORM**

Tên Tổ chức/Doanh nghiệp bằng tiếng Việt:

(Organization's Name in Vietnamese)

Tên Tổ chức/Doanh nghiệp bằng tiếng Anh:

(Organization's Name in English)

Địa chỉ bằng tiếng Việt:

(Address in Vietnamese)

Địa chỉ bằng tiếng Anh:

(Address in English)

Điện thoại (Tel) Fax:

Website: E-mail:

Tài khoản (Account):

Ngân hàng (Bank):

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập (Business Registration Certificate/Certificate of Establishment): Số (No)..... Ngày cấp (date of issue).....

Cơ quan cấp (Issued by)

Lĩnh vực hoạt động (Điền ✓ vào ô trống)

Field of activities (Please tick ✓)

- ☐ Sản xuất (Manufacturing) ☐ Thương mại (Trading) ☐ Bán lẻ (Retail)
☐ Dịch vụ (Service) ☐ Khác (others)

Phân ngành (Branch classification):

Tổng chủng loại sản phẩm, dịch vụ đăng ký sử dụng MSMV (Total number of registered products/services:

Chúng tôi xin đăng ký sử dụng loại mã (Điền ✓ vào ô trống):

We register for (Please tick ✓):

- ☐ Mã doanh nghiệp (Company Prefix)

Type of Company Prefix registrated (Please tick ✓)

- ☐ 7 chữ số (7 - digit) ☐ 8 chữ số (8 - digit) ☐ 9 chữ số (9 - digit).

- ☐ Mã số địa điểm toàn cầu GLN (Global Location Number)

- ☐ Mã số rút gọn EAN-8 (Short Number):

Danh mục sản phẩm kèm theo (Attached is a list of products)

Đại diện Tổ chức/Doanh nghiệp (Leader)

Chức danh (Title)	Họ và tên (Name)	Chức vụ, đơn vị (Position, Section)	Điện thoại/fax (Tel/Fax)	Hòm thư điện tử (E-mail)
Đại diện có thẩm quyền (CEO, Director...)				
Người liên lạc chính (Contact person)				

Chúng tôi cam đoan thông tin kê khai trên là đúng và cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản thuộc "Quy định về cấp, sử dụng và quản lý MSMV" ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BKHCN ngày 23 tháng 8 năm 2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ, các quy định về phí của Bộ Tài chính (Thông tư số 88/2002/TT-BTC ngày 02/10/2002) và các điều khoản sau đây:

- Chỉ sử dụng mã số đã được cấp cho các sản phẩm, dịch vụ của mình;
- Thực hiện đúng các quy định về nộp phí và nộp phí duy trì trước 30/6 hàng năm;

- Khi vì lý do nào đó (bị giải thể hoặc phá sản) không còn nhu cầu sử dụng mã số đã được cấp thì chúng tôi sẽ thông báo bằng văn bản cho Tổng cục TCĐLCL trong thời gian một tháng kể từ ngày giải thể hoặc phá sản;

- Nếu đổi tên hoặc đổi tư cách pháp nhân, hoặc địa chỉ chúng tôi sẽ thông báo cho Tổng cục TCĐLCL trong thời gian một tháng kể từ ngày có thay đổi để làm thủ tục đổi giấy chứng nhận .

We certify that the above information is true. We have read the Regulation issued by MOST with Decision No: /2006/QĐ-BKHCN dated , 2006 and the Fee Regulation issued by MOF (Circular No.88/2002/TT-BTC dated October 2nd, 2002) and on behalf of our company agree to abide by the said Regulations, as well as the following clauses:

- Using the allocated number only for our own products and services;
- Complying with the fees requirements, paying the annual fee before June 30th annually;
- In case we have no need to use the allocated number (due to dissolving or bankruptcy), we will inform the Directorate for Standards and Quality within one month from the date of dissolving or bankruptcy in written form;
- If the name or legal status or address of our organization is changed, we will inform the Directorate for Standards and Quality within one month from the date of this change for getting an updated Certificate.

...(Place), ngày (DD)... tháng (MM)... năm (YY)...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

(Leader's Signature and Stamp)

Doanh nghiệp không điền vào ô này.

(For GS1 Vietnam office use)

Mã M (Company Prefix):

Số GCN (Registered No):

Số VS (Reference No)

Ngày cấp (Date of issue):

Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BKHCN
ngày 23 tháng 8 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

BẢNG ĐĂNG KÝ DANH MỤC SẢN PHẨM SỬ DỤNG MÃ GTIN

(List of registered products with GTIN)

Tên Tổ chức/Doanh nghiệp (Organization's name)

Mã doanh nghiệp (Company Prefix): **893**

Số giấy chứng nhận: (Registered Number)

TT No	Tên sản phẩm (Name of products)	Mã vật phẩm/ thùng (Item/box or case reference)	Mã GTIN (GTIN)	Mô tả sản phẩm (Product Description) (Đặc điểm, loại sản phẩm, bao gói, số lượng, khối lượng, kích thước ...) (Characteristics, types, package, weight, size .etc)

Tổng cộng:..... loại vật phẩm..... loại thùng.

...(Place), ngày (DD).... tháng (MM)... năm (YY)...

Total:..... type of item.....type of boxe or case.

Đại diện Tổ chức/Doanh nghiệp

(Ký tên và đóng dấu)

(Leader's Signature and Stamp)

Phụ lục III

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BKHCN
ngày 23 tháng 8 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

PHIẾU ĐĂNG KÝ THÔNG TIN CHO CƠ SỞ DỮ LIỆU GS1 VIỆT NAM



**PHIẾU ĐĂNG KÝ THÔNG TIN
CHO CƠ SỞ DỮ LIỆU GS1 VIỆT NAM**
**INFORMATION REGISTRATION FORM
FOR DATABASE OF GS1 VIETNAM**

1. Các thông tin về Tổ chức sử dụng MSMV (Information of the user)

Tên Tổ chức/Doanh nghiệp bằng tiếng Việt:

(Organization's Name in Vietnamese)

Tên Tổ chức/Doanh nghiệp bằng tiếng Anh:

(Organization's Name in English)

Mã doanh nghiệp (Company Prefix):

893

Mã số địa điểm toàn cầu (Global Location Number):

893

Địa chỉ bằng tiếng Việt:

(Address in Vietnamese)

Địa chỉ bằng tiếng Anh:

(Address in English)

Đại diện tổ chức/Doanh nghiệp (Leader)

Chức danh (Title)	Họ và tên (Name)	Chức vụ, đơn vị (Position, Section)	Điện thoại/fax (Tel/Fax)	Hòm thư điện tử (E-mail)
Đại diện có thẩm quyền (CEO, Director...)				
Người liên lạc chính (Contact person)				

2. Tổ chức/Doanh nghiệp có đồng ý để Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đưa thông tin của mình lên Mạng GEPIR Việt Nam hay không? (Điền ✓ vào ô trống)

Do you agree to let STAMEQ include the information on the GEPIR Vietnam?
(Please tick ✓)

Có (Yes): ☐

Không (No): ☐

3. Tổ chức/Doanh nghiệp có đồng ý ủy quyền dịch hoặc hiệu đính thông tin sang tiếng Anh hay không? (Điền ✓ vào ô trống)

Do you need us to translate or edit the information into English? (Please tick ✓)

Có (Yes): ☐

Không (No): ☐

4. Chúng tôi xin cam kết thông tin kê khai trên là hoàn toàn chính xác. Khi có sự thay đổi thông tin, chúng tôi cam kết thông báo với Tổng cục TCDLCL trong thời gian một tháng kể từ ngày có thay đổi.

We certify that the above information is true and commit to inform STAMEQ any change within one month from the date of the change.

Phiếu đăng ký xin gửi về ... (Place), ngày (DD)... tháng (MM)... năm (YY)...
(please send the completed form to): ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

- Trung tâm Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam

(Leader's signature and Stamp)

- Địa chỉ: Số 8, Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội.

- ĐT: 04. 8361463

- Fax: 04.7562444/8361771

Phụ lục IV
(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BKHCN
ngày 23 tháng 8 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG MSMV

MINISTRY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

**DIRECTORATE FOR
STANDARDS AND QUALITY**

Base on Decision No 45/2002/QĐ-TTg dated 27/03/2002 of the Prime Minister and Decision No .../2006/QĐ-BKHCN dated/...../2006 of the Ministry of Science and Technology issued the Regulation of allocating, using and managing number and barcode,

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

**TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG**

Căn cứ Quyết định số 45/2002/QĐ-TTg ngày 27/03/2002 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số/2006/QĐ-BKHCN ngày/...../2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quy định về việc cấp và quản lý mã số mã vạch,

CERTIFYING
(ORGANIZATION'S NAME)
.....

CHỨNG NHẬN
(TÊN TỔ CHỨC / DOANH NGHIỆP)
.....

Address:

Địa chỉ:

to have right of using the following Company Prefix:

được quyền sử dụng mã doanh nghiệp sau đây:

893.....

893.....

for the products/services/locations.

cho các sản phẩm/ dịch vụ/ địa điểm của mình.

Hanoi,

Hà Nội,

GENERAL DIRECTOR

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Registered No:

Số đăng ký:

Reference No:

Số vào sổ:

TRANG BÌA GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG MSMV



**GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG
MÃ SỐ MÃ VẠCH**

Lô gõ hiện nay:



Lô gõ trước 2006:



Tổ chức mã số mã vạch Việt Nam

Số 8 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: (04) 8361463

Fax: (04) 8361771

E-mail: info@gs1vn.org.vn

Website: www.gs1vn.org.vn